



BẢN TIN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Phiên giao dịch ngày 05/09/2023

DIỄN BIẾN CHUNG TOÀN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tăng 0.89% với thanh khoản đạt 24,585.424 tỷ đồng. Nước ngoài bán ròng mạnh, tự doanh bán ròng. Kết thúc phiên giao dịch ngày 05/09/2023 VN-Index tăng 10.93 điểm với thanh khoản trên trung bình 20 phiên.

Đây là phiên tăng điểm đầu tiên của thị trường sau kỳ nghỉ Quốc khánh 2/9, cũng là phiên thứ 5 liên tiếp thị trường tăng điểm. Trước đó, VN-Index đã có 4 phiên tăng điểm liên tiếp để vượt đỉnh giá cao nhất năm 2018.

Kết thúc phiên giao dịch ngày 05-09, VN Index tăng 10.93 điểm (0.89%) lên 1,234.98 điểm với 366 mã tăng, 54 mã đứng giá và 141 mã giảm điểm. HNX Index tăng 2.53 điểm (1.01%) lên 252.28 điểm với 129 mã tăng, 52 mã đứng giá và 69 mã giảm điểm. UPCoM Index tăng 0.97 điểm (1.04%) lên 94.29 điểm với 211 mã tăng, 79 mã đứng giá và 96 mã giảm điểm.

Sắc xanh chiếm lĩnh ở nhóm bất động sản, khai khoáng, ngân hàng. Tương tự diễn biến với ngành bất động sản, nhóm cổ phiếu ngành chứng khoán cũng thể hiện sắc xanh áp đảo.

Dòng Thép: NKG (2.59%), HSG (-0.25%), HPG (0.72%), SMC (1.26%), TLH (2.05%), ...

Dòng Chứng khoán: HCM (2.45%), BSI (2.10%), FTS (1.86%), VCI (-1.27%), SHS (-1.08%), VIX (-0.76%)

Dòng Ngân hàng: MBB (3.51%), SHB (1.61%), TCB (1.45%), VIB (1.23%), BID (1.17%), VCB (1.12%)...

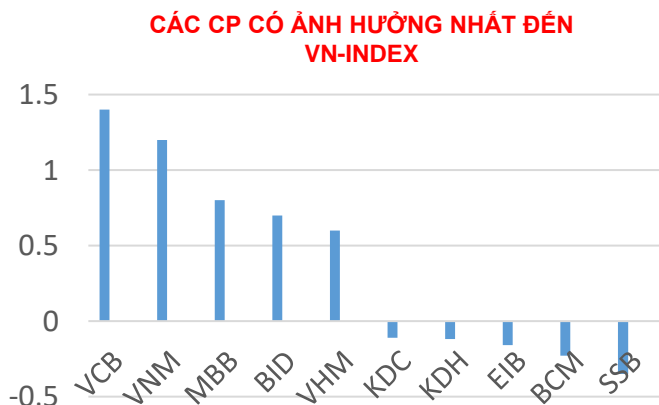
Dòng Dầu khí: PSH (6.64%), PVC (3.95%), OIL (3.85%), BSR (3.61%), PVS (2.82%), VIP (2.56%),...

Dòng BĐS: NVL (4.65%), CEO (4.21%), NHA (1.13%), DIG (1.05%), GVR (0.69%), LDG (0.56%),...

Phiên nay khối ngoại có phiên bán ròng với giá trị đạt -390.62 tỷ đồng. Trong đó, SSI là cổ phiếu bị bán ròng mạnh nhất, giá trị đạt 187.70 tỷ đồng. Bên cạnh đó: VIC (178.74 tỷ), HPG (107.28 tỷ), STB (36.62 tỷ), VHC (31.20 tỷ), KBC (29.20 tỷ), MSN (28.30 tỷ), VCB (27.63 tỷ),... là một số cổ phiếu cũng bị bán ròng phiên nay.

Bên cạnh đó, cổ phiếu được nhà đầu tư nước ngoài mua ròng mạnh nhất là VNM đạt 195.09 tỷ đồng. Ngoài ra, một số cổ phiếu khác cũng được mua ròng hôm nay như: TPB (158.59 tỷ), VHM (66.96 tỷ), GMD (42.89 tỷ), PVT (33.93 tỷ), MWG (28.03 tỷ), HDB (26.88 tỷ), VJC (12.86 tỷ), NLG (12.77 tỷ)...

Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,234.98	252.28
% thay đổi	↑ 0.89%	↑ 1.02%
KLGD (CP)	1,085,025,128	116,460,408
GTGD (tỷ đồng)	24,541.37	2,259.72





THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HOSE

Top 5 cổ phiếu có KLGD lớn nhất

Mã	Giá TC	Giá đóng	%	KLGD
NVL	20.45	21.40	4.65	53,905,200
SHB	12.45	12.65	1.61	35,375,400
VIX	19.80	19.65	-0.76	31,375,500
VND	23.50	23.50	0.00	28,257,300
SSI	33.40	33.35	-0.15	27,135,900

Top 5 cổ phiếu tăng giá nhiều nhất

Mã	Giá TC	Giá đóng	+/-	%
TNA	6.73	7.20	0.47	6.98
EVG	6.45	6.90	0.45	6.98
CNG	29.50	31.55	2.05	6.95
TN1	15.20	16.25	1.05	6.91
VAF	12.45	13.20	0.85	6.88

Top 5 cổ phiếu giảm giá nhiều nhất

Mã	Giá TC	Giá đóng	+/-	%
HU1	8.30	7.90	-0.40	-4.82
HSL	8.50	8.15	-0.35	-4.12
DMC	68.00	65.30	-2.70	-3.97
SRF	9.60	9.22	-0.38	-3.96
HHS	7.49	7.20	-0.29	-3.87

HNX

Mã	Giá TC	Giá đóng	%	KLGD
SHS	18.60	18.40	-1.08	18,164,800
CEO	26.10	27.20	4.21	16,942,100
PVS	35.50	36.50	2.82	8,671,600
IDJ	7.50	8.00	6.67	5,544,800
HUT	26.20	26.30	0.38	4,082,100

Mã	Giá TC	Giá đóng	+/-	%
CET	9.00	9.90	0.90	10.00
S99	10.10	11.10	1.00	9.90
C69	9.10	10.00	0.90	9.89
SFN	19.30	21.20	1.90	9.84
TSB	35.60	39.10	3.50	9.83

Mã	Giá TC	Giá đóng	+/-	%
AMC	22.00	19.80	-2.20	-10.00
SGD	21.50	19.40	-2.10	-9.77
L40	21.00	19.00	-2.00	-9.52
VE3	10.80	9.80	-1.00	-9.26
THS	13.30	12.20	-1.10	-8.27



PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Trong phiên sáng ngày 05/09/2023, tâm lý hưng khởi sau kỳ nghỉ kéo dài giúp thị trường tăng tích cực và tiến đến thử thách ngưỡng 1235 điểm. Tâm điểm đang thu hút nhà đầu tư là ở nhóm cổ phiếu bất động sản, xây dựng, năng lượng. Dù thị trường đã có thời điểm vượt 1235 điểm nhưng sức cầu tại các bluechip không gia tăng, trong khi lực cầu ở nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ cũng chững lại khiến chỉ số hạ độ cao vào cuối phiên.

Bước sang phiên chiều thị trường có sự phân hóa dòng tiền tập trung mạnh ở một số cổ phiếu của một số nhóm ngành. Chỉ số có sự rung lắc trong phiên về cuối phiên có kéo lên đôi chút nhưng chỉ số vẫn chưa vượt qua được kháng cự ngắn hạn 1235 điểm.

VN-Index theo đồ thị ngày, phiên ngày 05/09 là một phiên tăng mở gap tuy nhiên vẫn chưa vượt qua ngưỡng cản ngắn hạn 1235 điểm về thanh khoản có sự gia tăng hơn phiên trước đó cho thấy sau kỳ nghỉ lễ dòng tiền có sự tích cực hơn, về các chỉ báo cho thấy sự tích cực và trend xu hướng vẫn đang khá tốt, về ngắn hạn có thể thị trường mất 1 vài phiên tích lũy trước khi vượt đỉnh cũ.



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Theo chúng tôi, phiên ngày 05/09 là một phiên tăng mở gap tuy nhiên vẫn chưa vượt qua ngưỡng cản ngắn hạn 1235 điểm. Về thanh khoản có sự gia tăng hơn phiên trước đó cho thấy sau kỳ nghỉ lễ dòng tiền có sự tích cực hơn, về các chỉ báo cho thấy sự tích cực và trend xu hướng vẫn đang khá tốt, về ngắn hạn có thể thị trường mất 1 vài phiên tích lũy trước khi vượt đỉnh cũ.

Trong thời điểm này thị trường cũng lên khá cao nên đối với nhà đầu tư lướt sóng cần để ý danh mục và quản trị rủi ro thật chặt, còn đối với nhà đầu tư ôm theo trend với vị thế tốt thì khi thị trường uptrend vẫn tiếp tục nắm giữ, ưu tiên các cổ phiếu khỏe như chứng khoán, BĐS, KCN, Bán lẻ.

Tổng quan thị trường chung

Thị trường đang ở trạng thái Uptrend

**LỊCH CHỐT QUYỀN CỔ TỨC TỪ NGÀY 01 ĐẾN 30/09/2023**

Mã CK	Loại sự kiện	Ngày GDKHQ	Ngày chốt	Ngày thực hiện	Chi tiết
HCD	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5/9/2023	6/9/2023	20/10/2023	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 500 đồng/CP
	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	5/9/2023	6/9/2023		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:7
	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	5/9/2023	6/9/2023		Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10
GER	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5/9/2023	6/9/2023	25/09/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,089.6 đồng/CP
NTC	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5/9/2023	6/9/2023	20/11/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 2,000 đồng/CP
SDN	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5/9/2023	6/9/2023	20/09/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 2,700 đồng/CP
	Thưởng cổ phiếu	5/9/2023	6/9/2023		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 1:1
IN4	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5/9/2023	6/9/2023	20/09/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,500 đồng/CP
VGS	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	5/9/2023	6/9/2023		Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10
SBH	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5/9/2023	6/9/2023	27/09/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,500 đồng/CP
NTH	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5/9/2023	6/9/2023	21/09/2023	Trả cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền, 1,000 đồng/CP
DUS	Trả cổ tức bằng tiền mặt	6/9/2023	7/9/2023	25/09/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,200 đồng/CP
BTS	Trả cổ tức bằng tiền mặt	6/9/2023	7/9/2023	12/10/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 300 đồng/CP
HC1	Trả cổ tức bằng tiền mặt	6/9/2023	7/9/2023	9/10/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP
VLW	Trả cổ tức bằng tiền mặt	6/9/2023	7/9/2023	25/09/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP
CQT	Trả cổ tức bằng tiền mặt	7/9/2023	8/9/2023	29/09/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 400 đồng/CP
SAL	Trả cổ tức bằng tiền mặt	7/9/2023	8/9/2023	20/09/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 274 đồng/CP
CTT	Trả cổ tức bằng tiền mặt	7/9/2023	8/9/2023	25/09/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,300 đồng/CP
ILB	Trả cổ tức bằng tiền mặt	7/9/2023	8/9/2023	29/09/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,990 đồng/CP
BTW	Trả cổ tức bằng tiền mặt	7/9/2023	8/9/2023	2/10/2023	Trả cổ tức bằng tiền, 800 đồng/CP

**LỊCH CHỐT QUYỀN CỔ TỨC TỪ NGÀY 01 ĐẾN 30/09/2023**

Mã CK	Loại sự kiện	Ngày GDKHQ	Ngày chốt	Ngày thực hiện	Chi tiết
BPC	Trả cổ tức bằng tiền mặt	7/9/2023	8/9/2023	9/10/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 200 đồng/CP
VID	Trả cổ tức bằng tiền mặt	7/9/2023	8/9/2023	22/09/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 500 đồng/CP
VGV	Trả cổ tức bằng tiền mặt	7/9/2023	8/9/2023	20/09/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 375 đồng/CP
BSA	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	7/9/2023	8/9/2023		Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:2
NSL	Trả cổ tức bằng tiền mặt	7/9/2023	8/9/2023	20/09/2023	Trả cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền, 1,000 đồng/CP
SIP	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	7/9/2023	8/9/2023		Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:45
	Thưởng cổ phiếu	7/9/2023	8/9/2023		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:55
TVA	Trả cổ tức bằng tiền mặt	7/9/2023	8/9/2023	27/09/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 700 đồng/CP
DNA	Trả cổ tức bằng tiền mặt	7/9/2023	8/9/2023	9/10/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,500 đồng/CP
PGV	Trả cổ tức bằng tiền mặt	7/9/2023	8/9/2023	5/10/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 1,450 đồng/CP
CAV	Trả cổ tức bằng tiền mặt	8/9/2023	11/9/2023	25/09/2023	Trả cổ tức đợt 4/2022 bằng tiền, 2,000 đồng/CP
PHR	Trả cổ tức bằng tiền mặt	8/9/2023	11/9/2023	25/12/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 1,950 đồng/CP
PDV	Phát hành thêm	8/9/2023	11/9/2023		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1000:385, giá 10,000 đồng/CP
PSW	Trả cổ tức bằng tiền mặt	8/9/2023	11/9/2023	26/09/2023	Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền, 900 đồng/CP
DCG	Trả cổ tức bằng tiền mặt	11/9/2023	12/9/2023	27/09/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 2,000 đồng/CP
SNC	Trả cổ tức bằng tiền mặt	11/9/2023	12/9/2023	11/10/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP
DPR	Trả cổ tức bằng tiền mặt	11/9/2023	12/9/2023	20/11/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 3,000 đồng/CP
HAD	Trả cổ tức bằng tiền mặt	12/9/2023	13/09/2023	28/09/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,200 đồng/CP
VNS	Trả cổ tức bằng tiền mặt	13/09/2023	14/09/2023	27/09/2023	Trả cổ tức đợt 2/2023 bằng tiền, 500 đồng/CP
BIC	Trả cổ tức bằng tiền mặt	14/09/2023	15/09/2023	5/10/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,300 đồng/CP



LỊCH CHÓT QUYỀN CỔ TỨC TỪ NGÀY 01 ĐẾN 30/09/2023

Mã CK	Loại sự kiện	Ngày GDKHQ	Ngày chốt	Ngày thực hiện	Chi tiết
TGP	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	14/09/2023	15/09/2023		Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:17
BTP	Trả cổ tức bằng tiền mặt	14/09/2023	15/09/2023	16/10/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,200 đồng/CP
SAB	Thưởng cổ phiếu	14/09/2023	15/09/2023		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 1:1
SRC	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15/09/2023	18/09/2023	3/10/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 800 đồng/CP
CKA	Trả cổ tức bằng tiền mặt	18/09/2023	19/09/2023	5/10/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 3,500 đồng/CP
HCC	Trả cổ tức bằng tiền mặt	19/09/2023	20/09/2023	20/10/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,500 đồng/CP
DIH	Trả cổ tức bằng tiền mặt	19/09/2023	20/09/2023	24/10/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 600 đồng/CP
ALT	Trả cổ tức bằng tiền mặt	20/09/2023	21/09/2023	20/10/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP
TVH	Trả cổ tức bằng tiền mặt	21/09/2023	22/09/2023	23/10/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 3,600 đồng/CP
SBV	Trả cổ tức bằng tiền mặt	25/09/2023	26/09/2023	16/10/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 500 đồng/CP



DANH SÁCH CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Ngày mở	Mã	Giá hiện tại	Vùng mua dự kiến	Giá mục tiêu ngắn hạn	Giá mục tiêu dài hạn	Giá cắt loss	Trạng thái
27/06/23	FTS	38.40	29.5 - 30.2	35.0	41.0	27.6	Nắm giữ
27/06/23	VND	23.50	18.5 - 19.0	23.0	31.0	17.5	Nắm giữ
27/06/23	IDC	47.70	43.0 - 43.5	48.0	62.0	40.0	Nắm giữ
27/06/23	SZC	37.60	35.5 - 36.0	48.0	73.0	33.0	Nắm giữ
27/06/23	PHR	51.10	47.0 - 47.5	55.0	77.0	45.0	Nắm giữ
27/06/23	FCN	16.90	15.2 - 15.5	19.5	25.0	14.5	Nắm giữ
27/06/23	HHV	15.60	14.2 - 14.5	17.0	21.0	13.4	Nắm giữ
27/06/23	DGC	91.00	63.2 - 63.5	79.0	100.0	60.0	Nắm giữ
27/06/23	DPG	42.30	33.4 - 33.8	47.0	77.0	31.0	Nắm giữ
27/06/23	HSG	19.95	16.0 - 16.3	19.0	25.0	15.3	Nắm giữ
27/06/23	NKG	19.80	17.2 - 17.5	22.0	27.0	16.0	Nắm giữ
27/06/23	OCB	20.00	18.3 - 18.5	20.5	25.0	17.8	Nắm giữ
27/06/23	TCB	35.00	32.5 - 32.8	38.0	43.0	31.0	Nắm giữ



Tất cả những thông tin nêu trong bản tin này đều được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần chứng khoán Hải Phòng (HAC) không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin đề cập trong bản tin. Mọi quan điểm, phân tích, nhận định và khuyến nghị trong bản tin này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của HAC. Báo cáo chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin tham khảo, không hàm ý khuyến NĐT nên mua, bán hay nắm giữ cổ phiếu.

Chịu trách nhiệm nội dung

Phòng môi giới

Chuyên viên: Phạm Phú Trường

Chuyên viên: Đoàn Thu Trang

Mọi thông tin chi tiết vui lòng liên hệ:

Phòng môi giới – Công ty Cổ phần chứng khoán Hải Phòng

Trụ sở chính tại Hải Phòng

Số 7, lô 28A đường Lê Hồng
Phong, Phường Đông Khê, Quận
Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng
Tel: (0225) 3 842.332/3 842.335
Fax: (0225) 3 746.266/3 746.364
Email: haseco@haseco.vn
Website: www.haseco.vn

Chi nhánh Hà Nội

Số 163 Bà Triệu, Quận Hai Bà
Trung, Thành phố Hà Nội
Tel: (024) 3574.7020
Fax: (024) 3574.7019

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Số 328 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP.
Hồ Chí Minh
Tel: (028) 3920.7800/01/02
Fax: (028) 3920.7825
